

Thực hành tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị ở Hàn Quốc: Một số gợi ý chính sách cho Việt Nam

Võ Thị Bích Trâm

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

Email liên hệ: btram88@gmail.com

Tóm tắt: Bộ tiêu chuẩn về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) đã trở thành một khái niệm phổ biến và rất quan trọng đối với các doanh nghiệp trên toàn cầu. Tại Hàn Quốc, tiêu chuẩn ESG đã được thể chế hoá thành chính sách quốc gia tiêu biểu như việc ban hành Đạo Luật tăng trưởng xanh và trung hoà carbon, triển khai hệ thống phân loại xanh K-Taxonomy và áp dụng Bộ hướng dẫn K-ESG. Các chính sách này đã và đang được triển khai, bước đầu ghi nhận những kết quả tích cực trong việc định hướng phát triển bền vững hệ thống doanh nghiệp. Tại Việt Nam, việc thực hành ESG vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do thiếu hệ thống tiêu chuẩn, thiếu dữ liệu, và chưa có khung pháp lý đồng bộ trong triển khai. Từ thực tiễn đó, bài viết phân tích kinh nghiệm thực hiện ESG tại Hàn Quốc và rút ra một số hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy áp dụng ESG gắn với thực tiễn phát triển của doanh nghiệp ở Việt Nam.

Từ khoá: tiêu chuẩn ESG, phát triển bền vững, doanh nghiệp Việt Nam.

Implementing Environmental, Social, and Governance Standards in South Korea: Policy Implications for Vietnam

Abstract: The Environmental, Social, and Governance (ESG) standards have become a widely recognized and highly important concept for businesses worldwide. In South Korea, ESG standards have been institutionalized through national policies, notably the enactment of the Green Growth and Carbon Neutrality Act, the implementation of the K-Taxonomy system, and the issuance of the K-ESG Guidelines. These policies are being implemented, with initial positive results recorded in guiding the sustainable development of the business sector. In Vietnam, the ESG implementation still faces numerous difficulties and challenges due to the lack of a standardized system, insufficient data, and the absence of a coherent legal framework. This paper analyzes South Korea's experience in implementing ESG and draws several policy implications to promote ESG application in line with the development practices of the Vietnamese enterprises.

Keywords: ESG standards, sustainable development, Vietnamese enterprises.

Ngày nhận bài: 14/08/2025; **Ngày phản biện:** 27/08/2025; **Ngày duyệt đăng:** 04/12/2025

1. Đặt vấn đề

Tại Hội nghị Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP26), Thủ tướng chính phủ Việt Nam đã đưa ra những cam kết mạnh mẽ đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 và giảm 30% lượng khí thải metan vào năm 2030 (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2022). Những cam kết đầy tham vọng này không chỉ thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong việc hòa nhập vào quản trị khí hậu toàn cầu, mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với khu vực tư nhân trong việc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh doanh bền vững. Trong bối cảnh đó, việc tích hợp các thực hành Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) giữ vai trò then chốt. Tuy nhiên, theo báo cáo về mức độ sẵn sàng thực hành ESG tại Việt Nam năm 2022 của PwC khảo sát các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, công ty niêm yết và doanh nghiệp tư nhân cho thấy 58% các công ty niêm yết vẫn nghe ngóng tình hình (PwC, 2022). Điều này cho thấy việc áp dụng và đầu tư theo hướng ESG của các doanh nghiệp tại Việt Nam vẫn ở giai đoạn đầu và đang gặp khó khăn do thiếu hệ thống tiêu chuẩn, thiếu dữ liệu, và chưa có khung pháp lý đồng bộ để triển khai.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc thúc đẩy ESG phụ thuộc rất lớn vào vai trò định hướng của Chính phủ (Krueger và cộng sự, 2021; Plastun và cộng sự, 2019). Tại châu Á, chính phủ Hàn Quốc đã sớm ban hành nhiều chính sách và quy định nghiêm ngặt về phát triển bền vững, buộc doanh nghiệp phải triển khai ESG như một điều kiện sống còn để tồn tại và phát triển trong môi

trường cạnh tranh toàn cầu. Từ thực tiễn đó, việc nghiên cứu chính sách và quy định thực hành ESG tại Hàn Quốc có thể mang lại nhiều gợi ý hữu ích cho Việt Nam nhằm tạo cơ sở pháp lý cho doanh nghiệp xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh tích hợp ESG.

2. Tổng quan ESG

ESG là thuật ngữ viết tắt của Environmental, Social and Governance (Môi trường, Xã hội và Quản trị). Đây có thể được xem là bộ tiêu chuẩn để đo lường các yếu tố về môi trường, xã hội và quản trị trong quá trình vận hành doanh nghiệp. Thuật ngữ ESG chính thức được giới thiệu lần đầu tiên trong báo cáo “Who cares win” do Liên Hiệp Quốc đề xuất vào cuối năm 2004. Theo đó, nhấn mạnh việc tích hợp các yếu tố phi tài chính, đặc biệt là môi trường, xã hội và quản trị vào các quyết định đầu tư không chỉ mang lại lợi ích đạo đức mà còn giúp tạo ra thị trường tài chính bền vững hơn (UN Global Compact, 2024).

Có thể nói, nội dung cốt lõi của ESG đã được đề cập từ khi thuật ngữ Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp - Coperate Social Responsibility (CSR) xuất hiện trong cuốn sách “Social Responsibilities of the Businessman” của nhà kinh tế học Howard Bowen năm 1953. Theo đó, nhấn mạnh vai trò của doanh nghiệp không chỉ tập trung vào lợi nhuận kinh tế mà còn cân nhắc đến những tác động xã hội, đạo đức và phúc lợi cho cộng đồng. Tuy nhiên, bước vào thế kỷ 21, với sự gia tăng áp lực toàn cầu về phát triển bền vững, CSR không còn chỉ dừng lại ở cấp độ tuyên bố chính sách nội bộ, mà đã dẫn được thể chế hóa thông qua các cơ chế tài chính. Một trong những cơ chế đó là Sáng kiến các nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm - Principles for Responsible Investment (PRI) ra đời năm 2006 dưới sự bảo trợ của Liên hợp quốc. PRI kêu gọi các nhà đầu tư không chỉ quan tâm đến yếu tố xã hội mà phải tích hợp các yếu tố môi trường và quản trị vào quá trình phân tích và ra quyết định đầu tư, nhằm đảm bảo hoạt động đầu tư không chỉ vì lợi nhuận tài chính mà phải tính đến các giá trị xã hội lâu dài (UN PRI, 2006).



Hình 1: Ba trụ cột ESG

(Nguồn: vnexpress.net)

Bộ trụ cột của ESG bao gồm 3 nhóm tiêu chuẩn cụ thể sau:

Trụ cột môi trường – E (Environmental) tập trung vào việc thúc đẩy tính bền vững của môi trường bằng cách giải quyết các vấn đề như khí thải nhà kính, tiêu thụ năng lượng, sử dụng nước và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Trụ cột này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc áp dụng các hoạt động bền vững và giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch để chuyển sang các nguồn năng lượng tái tạo. Bằng cách giảm thiểu lượng khí thải carbon và các khí thải có hại khác ra môi trường, các doanh nghiệp đóng góp vào một hệ sinh thái bền vững và phục hồi hơn cho các thế hệ tương lai.

Trụ cột xã hội – S (Social) thừa nhận tầm quan trọng của trách nhiệm xã hội và tác động xã hội trong hoạt động kinh doanh. Nó bao gồm các cân nhắc về quyền con người, thực hành lao động, gắn kết xã hội và sự tham gia của cộng đồng. Bằng cách ưu tiên tính bền vững xã hội, sự tham gia của các doanh nghiệp không chỉ góp phần xây dựng một xã hội công bằng và toàn diện mà còn tích cực giải quyết các vấn đề xã hội và thúc đẩy tác động xã hội tích cực.

Trụ cột quản trị - G (Governance) liên quan đến cấu trúc và công tác quản lý của doanh nghiệp. Điều này bao gồm sự minh bạch, tính liêm chính, quản trị rủi ro, cơ cấu hội đồng quản trị

và các chính sách chống tham nhũng. Quản trị tốt giúp đảm bảo rằng doanh nghiệp hoạt động một cách hiệu quả và có trách nhiệm.

Như vậy, có thể khẳng định rằng phát triển bền vững là mục tiêu cuối cùng, trong khi ESG đóng vai trò như một phương pháp tiếp cận, giúp các bên liên quan hiểu rõ cách doanh nghiệp quản lý rủi ro và tận dụng cơ hội trên cả ba khía cạnh: môi trường, xã hội và quản trị.

3. Kinh nghiệm của chính phủ Hàn Quốc

Xét đến tính bao quát của khái niệm ESG theo nghĩa rộng, có thể coi rằng mọi chính sách của chính phủ đều có liên quan đến ESG. Tuy nhiên, để tái thiết kế chính sách một cách cụ thể, cần phân loại và đánh giá mức độ liên quan của từng chính sách theo ba lĩnh vực: môi trường, xã hội và quản trị, đồng thời tập trung vào các chính sách then chốt (Han, Kwon, & Lim, 2021).

3.1. Về môi trường

Thứ nhất, trong bối cảnh toàn cầu đẩy mạnh nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu, Hàn Quốc đã cam kết hành động rõ ràng bằng việc tham gia tích cực vào những hội nghị thượng đỉnh khí hậu của Liên hợp quốc. Tại Hội nghị COP26 diễn ra ở Glasgow năm 2021, Hàn Quốc cam kết giảm đến 40% lượng khí nhà kính vào năm 2030 so với mức năm 2018, tăng mạnh so với mục tiêu cũ là 24,4% (Republic of Korea, 2021). Đây là mục tiêu mạnh mẽ và vô cùng thách thức đối với nền kinh tế Hàn Quốc vì nếu áp dụng các quy chế liên quan tới Hiệp ước khí hậu Glasgow thì sẽ gây ảnh hưởng đặc biệt lớn đến ngành công nghiệp nặng vốn được cho là ngành kinh tế mũi nhọn của nước này. Vì vậy, chính phủ Hàn Quốc ưu tiên phát triển công nghệ mới để giảm thiểu phát thải carbon. Để đạt mục tiêu cuối cùng là trung hòa carbon vào năm 2050, Hàn Quốc bắt đầu chuẩn bị xúc tiến loại bỏ dần carbon, nghiên cứu và phát triển công nghệ, nâng cao năng lực doanh nghiệp. Tháng 9/2021, Quốc hội Hàn Quốc đã thông qua Đạo luật khung về tăng trưởng xanh và trung hòa carbon để ứng phó với khủng hoảng khí hậu (Korea National Assembly, Act No.18469, 2021), trở thành quốc gia thứ 14 trên thế giới ban hành luật về mục tiêu carbon. Chính phủ Hàn Quốc đã thành lập Ủy ban quốc gia về tăng trưởng xanh và trung hòa carbon năm 2050 thực hiện một cách có trách nhiệm chiến lược trung hòa carbon và tăng trưởng xanh.

Thứ hai, hệ thống phân loại xanh của Hàn Quốc (K-Taxonomy): Vào tháng 12 năm 2021, Bộ Môi trường Hàn Quốc đã công bố Hệ thống phân loại xanh Hàn Quốc (K-Taxonomy). K-Taxonomy được xây dựng nhằm làm rõ các hoạt động kinh doanh nào được coi là "bền vững về môi trường", qua đó thúc đẩy sự phát triển của các công cụ tài chính gắn với phát triển bền vững, cũng như tăng tốc dòng vốn đầu tư vào quá trình chuyển đổi xanh (Ministry of Environment, Republic of Korea, 2021).

K-Taxonomy là hệ thống phân loại hoạt động kinh tế xanh nhằm thúc đẩy sáu mục tiêu môi trường: (1) Giảm phát thải khí nhà kính; (2) Thích ứng với biến đổi khí hậu; (3) Bảo tồn bền vững nguồn nước; (4) Tuân hoàn tài nguyên; (5) Ngăn ngừa và quản lý ô nhiễm; (6) Bảo tồn đa dạng sinh học. Hoạt động kinh tế xanh phải tuân thủ ba nguyên tắc: (1) Góp phần đạt được các mục tiêu môi trường; (2) Không gây thiệt hại nghiêm trọng đến môi trường; (3) Có cơ chế bảo vệ tối thiểu.

K-Taxonomy được cấu thành từ các hoạt động kinh tế có đóng góp cho mục tiêu môi trường, gồm hai nhóm chính:

- Nhóm xanh: Bao gồm những hoạt động kinh tế trực tiếp góp phần vào trung hòa carbon và cải thiện môi trường. Có tổng cộng 67 hoạt động kinh tế xanh, ví dụ: sản xuất năng lượng tái tạo, sản xuất hydro và amoniac, chế tạo phương tiện không phát thải (ô tô, tàu hỏa, máy xây dựng, máy nông nghiệp, tàu thủy, máy bay). Ngoài ra, ba hoạt động kinh tế chung mới được bổ sung: sản xuất sản phẩm đổi mới, nghiên cứu-phát triển-thực chứng.

- Nhóm chuyển đổi: Bao gồm các hoạt động kinh tế cần thiết trong giai đoạn quá độ để tiến tới trung hòa carbon, dù không phải là hoạt động xanh thực sự. Có bảy hoạt động, bao gồm: (1) Giảm phát thải khí nhà kính tại các cơ sở của doanh nghiệp nhỏ và vừa, (2) Sản xuất năng lượng dựa trên LNG và khí hỗn hợp, (3) Sản xuất năng lượng hạt nhân (xây dựng mới), (4) Sản xuất năng lượng hạt nhân (tiếp tục vận hành), (5) Sản xuất hydro xanh lam, (6) Đóng tàu thân thiện với môi trường, (7) Vận tải biển thân thiện với môi trường.

Bộ Môi trường Hàn Quốc đã thành công trong việc phát hành trái phiếu xanh trị giá 640 tỷ KRW phù hợp với K-Taxonomy. Toàn bộ nguồn vốn huy động được từ trái phiếu xanh sẽ chỉ sử dụng cho

các dự án xanh. Ví dụ, 586,2 tỷ KRW sẽ được sử dụng chủ yếu để giảm phát thải khí nhà kính. Cụ thể, 334 tỷ KRW sẽ đầu tư cho năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió) 147 tỷ KRW cho việc cung cấp xe không phát thải và xây dựng cơ sở hạ tầng liên quan. Những sáng kiến này dự kiến sẽ giúp giảm khoảng 1,27 triệu tấn khí nhà kính mỗi năm (Ministry of Environment, Republic of Korea, 2022).

Từ năm 2023, khi K-Taxonomy được áp dụng chính thức, Bộ đã xây dựng nền tảng thể chế để thúc đẩy tài chính xanh thông qua việc điều chỉnh những hạn chế được phát hiện trong K-Taxonomy và các hướng dẫn kèm theo, đồng thời xuất bản sổ tay chi tiết về trái phiếu xanh. Ngoài ra, Bộ sẽ hỗ trợ tài chính cho việc phát hành trái phiếu xanh, đồng thời tổ chức đào tạo cho các bên liên quan về K-Taxonomy. Bộ cũng sẽ mở rộng phạm vi áp dụng K-Taxonomy sang hoạt động tín dụng, bao gồm đầu tư và cho vay (Ministry of Environment, Republic of Korea, 2022).

Thứ ba, vào tháng 7 năm 2020, chính phủ Hàn Quốc đã công bố Kế hoạch Hành động toàn diện mang tên Korean New Deal. Kế hoạch này gồm hai trụ cột chính là Digital New Deal và Green New Deal, với mục tiêu tái thiết nền kinh tế sau đại dịch, đồng thời chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng bền vững và thân thiện với môi trường. Trong đó, Green New Deal là trụ cột môi trường trong chiến lược quốc gia này, nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh, tạo việc làm và hướng đến mục tiêu trung hòa carbon vào năm 2050. Tổng ngân sách dự kiến cho Green New Deal lên đến 73,4 nghìn tỷ won (tương đương khoảng 60 tỷ USD), được triển khai đến năm 2025, trong đó 42,7 nghìn tỷ won từ ngân sách nhà nước (Lee & Woo, 2020). Chương trình Green New Deal của Hàn Quốc được xây dựng trên ba trụ cột chiến lược nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

Một là, chuyển đổi cơ sở hạ tầng theo hướng xanh

Hàn Quốc ưu tiên cải tạo và hiện đại hóa các công trình công cộng và trường học nhằm giảm tiêu thụ năng lượng và lượng khí thải. Các tòa nhà này sẽ được nâng cấp với hệ thống cách nhiệt, chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, và hệ thống quản lý năng lượng thông minh (Energy Management Systems – EMS).

Hai là, phát triển năng lượng tái tạo và hệ thống năng lượng phân tán

Một trọng tâm quan trọng là chuyển đổi cơ cấu năng lượng quốc gia theo hướng bền vững. Hàn Quốc đặt mục tiêu tăng tỷ lệ năng lượng tái tạo lên 20% tổng sản lượng điện vào năm 2030 thông qua chương trình RE3020.



Hình 2: Mục tiêu và phương pháp chuyển đổi năng lượng tái tạo của Hàn Quốc đến năm 2030

(Nguồn: Ministry of Trade, Industry and Energy, Korea, năm 2017)

Vào năm 2017, tổng công suất điện tái tạo của Hàn Quốc là 15,1 GW, trong đó, điện mặt trời chiếm 38%, chất thải chiếm 25%, sinh khối 16%, thủy điện 12%, điện gió chỉ 8%, và còn lại là các nguồn khác. Cấu trúc này phản ánh sự phụ thuộc lớn vào các nguồn gây phát thải như chất thải và sinh khối. Tuy nhiên, đến năm 2030, Hàn Quốc dự kiến nâng tổng công suất tái tạo lên 63,8 GW, trong đó điện mặt trời sẽ chiếm 57% (36,5 GW), điện gió 28% (17,7 GW), tỷ trọng từ chất thải và sinh khối sẽ giảm đáng kể. Sự chuyển dịch này được thể hiện rõ nét trong kế hoạch lắp đặt công suất mới: từ 2018 đến 2030, tổng công suất tái tạo mới dự kiến bổ sung là 48,7 GW, với điện mặt trời chiếm 63% (30,8 GW) và điện gió chiếm 34% (16,5 GW), các nguồn khác chỉ chiếm 3%. Điều này cho thấy Hàn Quốc định hướng phát triển rất rõ ràng ưu tiên các nguồn năng lượng sạch.

Để đạt được mục tiêu này, chính phủ Hàn Quốc xác định hai phương thức triển khai chủ đạo: (1) Thúc đẩy sự tham gia của người dân và (2) Phát triển các dự án quy mô lớn có quy hoạch.

Chính phủ Hàn Quốc đầu tư mạnh vào các nguồn năng lượng như mặt trời, gió, thủy triều và sinh khối. Đồng thời, xây dựng lưới điện thông minh để nâng cao hiệu quả truyền tải điện và tích hợp năng lượng tái tạo. Việc khuyến khích sử dụng xe điện và xe nhiên liệu hydro cũng nằm trong kế hoạch mở rộng năng lượng carbon thấp, cùng với việc phát triển hệ thống sạc pin, trạm tiếp nhiên liệu và ưu đãi thuế cho người tiêu dùng.

Một mô hình điển hình của Hàn Quốc trong nỗ lực chuyển đổi năng lượng sạch, đó là đảo Jeju. Đảo Jeju được biết đến là điểm du lịch sinh thái sạch và là khu vực duy nhất trên thế giới sở hữu đồng thời ba danh hiệu khoa học tự nhiên của UNESCO: Khu Dự trữ Sinh quyển (2002), Di sản Thiên nhiên Thế giới (2007) và Công viên Địa chất Toàn cầu (2010). Không chỉ nổi bật về giá trị thiên nhiên, Jeju còn là mô hình điển hình của Hàn Quốc trong phát triển năng lượng tái tạo thông qua chính sách CFI 2030 (Carbon Free Island 2030). CFI 2030 đặt mục tiêu biến Jeju trở thành hòn đảo không carbon, hoàn toàn không sử dụng nhiên liệu hóa thạch vào năm 2030. Đây là lần đầu tiên trên thế giới có một khu vực với dân số hơn 500.000 người tuyên bố loại bỏ hoàn toàn nhiên liệu hóa thạch. Cốt lõi của chương trình là sử dụng 100% năng lượng mới và tái tạo cho tiêu thụ điện, đồng thời thay thế xe động cơ đốt trong bằng xe điện, mở rộng hạ tầng năng lượng sạch và hệ thống lưu trữ thông minh. Song song với đó, đảo đã phát triển nhiều chương trình tăng trưởng xanh như: xây dựng trang trại điện gió ngoài khơi, thành lập Tập đoàn Năng lượng Jeju, ứng dụng lưới điện thông minh và lưới điện vi mô. Đây không chỉ là chiến lược môi trường mà còn là sự chuyển đổi cơ cấu công nghiệp theo hướng kinh tế xanh, đưa Jeju trở thành trung tâm năng lượng tái tạo tiên tiến (OECD, 2023).

Đặc biệt, năm 2006, Quốc hội Hàn Quốc đã thông qua đạo luật đặc biệt về việc thành lập Tỉnh Tự trị Đặc biệt Jeju và phát triển Thành phố Quốc tế Tự do. Theo đó, kể từ ngày 01/7/2006, tỉnh Jeju chính thức đổi tên và trở thành Tỉnh Tự trị Đặc biệt Jeju, với “địa vị pháp lý mới” (National Assembly of Korea, 2006). Lợi thế này cho phép chính quyền tỉnh Jeju cải cách thể chế nhanh chóng, tạo điều kiện hiện thực hóa mục tiêu trung hòa carbon bằng công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực năng lượng tái tạo, xe điện và hạ tầng điện thông minh.

Ba là, phát triển các ngành công nghiệp xanh và đổi mới sáng tạo

Để bảo đảm sự lan tỏa của tăng trưởng xanh, Hàn Quốc tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực môi trường và năng lượng. Chính phủ thành lập các cụm công nghiệp xanh giúp các doanh nghiệp tiếp cận công nghệ, thử nghiệm sản phẩm, sản xuất thử và thương mại hóa. Bên cạnh đó, chính phủ cũng thành lập quỹ hỗn hợp công – tư trị giá khoảng 215 tỷ won để hỗ trợ khởi nghiệp xanh và tạo ra khoảng 1,9 nghìn tỷ won tiền vay ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ và thiết bị bảo vệ môi trường (Ministry of Economy and Finance, 2020).

3.2. Về xã hội

Chữ “S” trong ESG đề cập đến khía cạnh xã hội của doanh nghiệp như các hoạt động lao động, quyền con người, tính đa dạng và hòa nhập, mối quan hệ giữa doanh nghiệp và người lao động. Hiến pháp Hàn Quốc quy định các biện pháp bảo vệ liên quan đến đảm bảo nghĩa vụ của chính phủ trong việc bảo vệ quyền con người trước những vấn đề xã hội do doanh nghiệp gây ra, thông qua các bộ luật và quy định chi tiết như:

Luật Xử phạt Tai nạn nghiêm trọng (Serious Accident Punishment Act - SAPA)

Luật Tiêu chuẩn Lao động (Labour Standards Act)

Luật Chống Phân biệt đối xử và Bảo vệ người khuyết tật (Anti-Discrimination against and Remedies for Persons with Disabilities Act)

Luật Bảo vệ người lao động hợp đồng có thời hạn và bán thời gian (Act on the Protection, etc. of Fixed-term and Part-time Employees)

Luật Bảo vệ người lao động được phái cử (Act on the Protection, etc. of Dispatched Workers).

Bên cạnh đó, Hàn Quốc đã thông qua Luật khung về Chính sách Nhân quyền (Framework Act on Human Rights Policy) vào năm 2021, quy định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc tôn trọng nhân quyền (Điều 17) và quyền của chính phủ trong việc ban hành chính sách ngăn

ngừa vi phạm nhân quyền (Điều 18). Theo đó, Bộ Tư pháp Hàn Quốc đã ban hành hướng dẫn doanh nghiệp và nhân quyền giúp doanh nghiệp hiểu rõ trách nhiệm thực thi.

Ngoài ra, chính phủ Hàn Quốc cũng ban hành Bộ hướng dẫn K-ESG (K-ESG Guidelines) vào tháng 12 năm 2021, theo đó yếu tố xã hội trong Bộ Hướng dẫn K-ESG được phản ánh một cách toàn diện và có hệ thống, bao gồm 27 “giá trị xã hội” với 61 chỉ số đánh giá cụ thể, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện và tự đánh giá trách nhiệm xã hội một cách minh bạch và hiệu quả.

Bộ hướng dẫn K-ESG xem trách nhiệm xã hội là một trong bốn trụ cột quan trọng của quản trị bền vững, bên cạnh môi trường, quản trị và công bố thông tin. Cụ thể, các nội dung xã hội tập trung vào việc bảo đảm quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động, như an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, lương và giờ làm việc hợp lý, không phân biệt đối xử, đặc biệt là với phụ nữ, người khuyết tật và người nước ngoài. Ngoài ra, K-ESG cũng nhấn mạnh sự đa dạng và bình đẳng trong tuyển dụng và lãnh đạo, khuyến khích doanh nghiệp xây dựng môi trường làm việc cởi mở, tôn trọng quyền thành lập công đoàn và tiếp nhận phản hồi từ người lao động (Behalf Korea, 2022).

Bảng 1: Chỉ số và tiêu chuẩn đánh giá

<61 chỉ số đánh giá>				
Phần	Nội dung chính			
Công bố thông tin (5)	- Phương pháp, chu kỳ và phạm vi công bố thông tin ESG			
Môi trường (17)	- Mục tiêu và biện pháp thực hiện liên quan đến quản lý môi trường, chứng nhận nhãn sinh thái, và vi phạm luật môi trường - Lượng phát thải khí nhà kính, lượng chất thải và chất ô nhiễm, tỷ lệ tái chế			
Xã hội (22)	- Mục tiêu quản lý có trách nhiệm xã hội, tuyển dụng, tai nạn lao động và vi phạm pháp luật - Tuyển dụng nhân viên chính thức, an toàn lao động, đa dạng, nhân quyền, hợp tác cùng phát triển (win-win), tăng trưởng và đóng góp xã hội			
Quản trị (17)	- Năng lực chuyên môn của thành viên HĐQT, cơ cấu HĐQT, và quyền cổ đông - Quản lý đạo đức, cơ quan kiểm toán, và vi phạm pháp luật liên quan đến quản trị			
Môi trường (17)	- Mục tiêu và biện pháp thực hiện liên quan đến quản lý môi trường, chứng nhận nhãn sinh thái, và vi phạm luật môi trường - Lượng phát thải khí nhà kính, lượng chất thải và chất ô nhiễm, tỷ lệ tái chế			
<Tiêu chuẩn đánh giá>				
Cấp	Mô tả			
Cấp 1	Tổ chức chưa có hệ thống đánh giá rủi ro nhân quyền bao gồm chỉ số đánh giá, tiêu chuẩn và lịch trình			
Cấp 2	Tổ chức đã xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro nhân quyền nhưng không sử dụng			
Cấp 3	Tổ chức đã xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro nhân quyền, việc đánh giá chỉ thực hiện qua phương thức không trực tiếp (giao tiếp trực tuyến hoặc bằng văn bản)			
Cấp 4	Tổ chức đã xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro nhân quyền, việc đánh giá thực hiện qua phương thức không trực tiếp (giao tiếp trực tuyến hoặc bằng văn bản) kết hợp với kiểm tra thực địa tại chỗ đối với rủi ro nhân quyền nghiêm trọng			
Cấp 5	Tổ chức đã xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro nhân quyền, việc đánh giá thực hiện qua phương thức không trực tiếp (giao tiếp trực tuyến hoặc bằng văn bản) kết hợp kiểm tra thực địa. Ngoài ra, tổ chức đã thực hiện kế hoạch cải thiện và các hoạt động liên quan đến rủi ro nhân quyền đã biết.			
<Áp dụng kết quả đánh giá>				
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
0 điểm	25 điểm	50 điểm	75 điểm	100 điểm

Nguồn: Ministry of Trade, Industry and Energy of South Korea

3.3. Về quản trị

Trong ba trụ cột ESG, trụ cột “G” có vai trò then chốt và tiên quyết trong việc thực hành phát triển bền vững theo chuẩn ESG. Trụ cột “Quản trị” nhằm tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình và bảo vệ quyền lợi cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số. Các biện pháp này phản ánh cam kết của chính phủ trong việc cải thiện quản trị doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển bền vững.

Những năm gần đây, các doanh nghiệp Hàn Quốc thể hiện sự quan tâm ngày càng lớn đến việc lồng ghép phát triển bền vững vào chiến lược quản trị, phần lớn do sức ép từ các nhà đầu tư toàn cầu và các yêu cầu pháp lý ngày càng chặt chẽ. Tuy nhiên, quản trị doanh nghiệp vẫn là một vấn đề phức tạp trong bối cảnh Hàn Quốc, nơi mà quyền kiểm soát thường tập trung vào các cổ đông lớn nắm quyền điều hành. Cơ cấu sở hữu này mang tính hai mặt: một mặt tạo điều kiện cho việc kiểm soát chiến lược dài hạn, nhưng mặt khác cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro như thiếu minh bạch, bảo vệ cổ đông thiểu số yếu kém và xung đột lợi ích. Do đó, cải thiện quản trị doanh nghiệp không chỉ là một thách thức mà còn là cơ hội chiến lược để các doanh nghiệp Hàn Quốc nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu thông qua việc tuân thủ ESG mạnh mẽ hơn (Han, Kwon, & Lim, 2021).

Quy định công bố thông tin ESG bắt buộc

Để thúc đẩy các hoạt động ESG của doanh nghiệp, cần phải xây dựng một hệ thống công bố thông tin có khả năng đo lường và báo cáo các hoạt động ESG. Tính đến năm 2023, theo Luật Thị trường vốn và quy định công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Hàn Quốc (KRX), các công ty cần đề cập đến các vấn đề phi tài chính thông qua các báo cáo sau:

+ Báo cáo quản trị doanh nghiệp: Các công ty phải báo cáo dựa trên 15 chỉ số chính, bao gồm: quyền của cổ đông, cơ cấu hội đồng quản trị, tính độc lập của hội đồng quản trị và các biện pháp kiểm soát nội bộ, cùng các yếu tố khác. Việc công bố thông tin này được Sở Giao dịch chứng khoán Hàn Quốc (KRX) đưa vào quy định công bố thông tin từ tháng 3 năm 2017 như một báo cáo tự nguyện. Đến năm 2019, việc báo cáo trở thành bắt buộc đối với các doanh nghiệp lớn có tổng tài sản từ 2 nghìn tỷ won trở lên, và đến năm 2022, mở rộng cho các công ty có tổng tài sản từ 1 nghìn tỷ won trở lên. Theo lộ trình, đến năm 2026, Báo cáo quản trị doanh nghiệp (CGR) sẽ trở thành bắt buộc đối với tất cả các công ty niêm yết trên sàn KOSPI (Kim, 2023).

+ Báo cáo phát triển bền vững: Khác với Báo cáo quản trị doanh nghiệp tập trung vào khía cạnh quản trị, báo cáo phát triển bền vững đề cập đến các yếu tố môi trường và xã hội như sinh thái, giới tính và lao động. Ngoài ra, báo cáo phát triển bền vững linh hoạt hơn và cho phép doanh nghiệp chọn tiêu chuẩn công bố. Các tiêu chuẩn phổ biến được sử dụng gồm: GRI, ISSB, SASB, hoặc TCFD. Việc công bố hiện tại là tự nguyện, nhưng xu hướng đang tăng lên. Tính đến giữa tháng 8/2023, có 134 công ty đã công bố báo cáo bền vững – tăng 14,5% so với năm trước. Điều này phản ánh sự gia tăng kỳ vọng của nhà đầu tư đối với công bố thông tin ESG (Kim, 2023).

+ Báo cáo kinh doanh: Theo Luật Thị trường vốn, báo cáo kinh doanh có thể bao gồm thông tin phi tài chính như: trái phiếu ESG, tác động đến môi trường và lao động, cũng như các vi phạm pháp luật liên quan (Kim, 2023).

4. Thực tiễn thực hành ESG tại Việt Nam

4.1. Các chính sách liên quan

ESG đã được quan tâm rộng rãi tại Việt Nam trong những năm gần đây. Điều này phần lớn nhờ sự nỗ lực của chính phủ Việt Nam trong việc thúc đẩy thực hành các thông lệ liên quan đến ESG cùng với nhu cầu gia tăng của các nhà đầu tư về đầu tư bền vững. Chính phủ Việt Nam đã từng bước ban hành những chính sách và quy định liên quan đến ESG như:

Về ESG, Thông tư 96/2020/TT-BTC công bố ngày 16/11/2020 được quy định tại mục 6, phần II, III, phụ lục IV: quy định về trình bày, công bố báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội; Quyết định 21/2025/QĐ-TTg công bố ngày 04/7/2025 quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

Về môi trường, Quyết định số 896/QĐ-TTg ban hành 26/07/2022: quy định về chiến lược quốc gia trong vấn đề biến đổi khí hậu; Quyết định số 450/QĐ-TTg ban hành 13/04/2022: phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030; Quyết định số 687/QĐ-TTg ban hành 07/06/2022: phê duyệt đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam; Quyết định số 1658/QĐ-

TTg ban hành 01/10/2022: phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

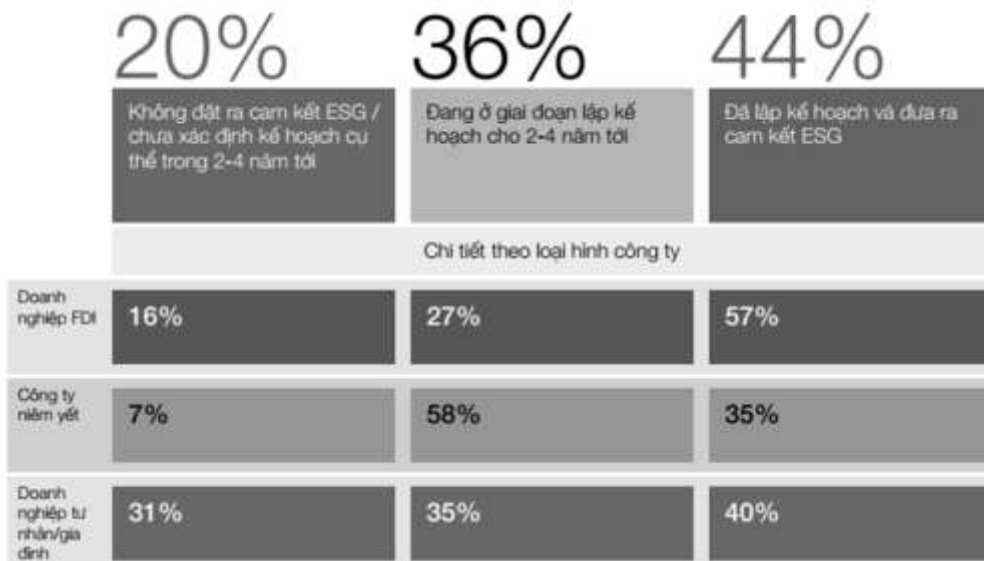
Về xã hội, Bộ luật Lao động 2019 số 45/2019/QH14 ban hành 20/11/2019: quy định một số vấn đề phúc lợi và nhu cầu cơ bản, tuyển dụng; Luật Bảo vệ người tiêu dùng số 59/2010/QH12 ban hành 17/11/2010: quy định một số vấn đề về bảo mật thông tin; Nghị quyết 27/ NQ-CP ban hành 07/03/2022: thông qua hồ sơ xây dựng Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Về quản trị, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ban hành 17/06/2020: không cho phép gia hạn dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành 17/06/2020: Luật Doanh nghiệp về hồ sơ của hội đồng quản trị và ban điều hành, chế độ lương thưởng của ban quản trị; Nghị định Số 155/2020/NĐ-CP ban hành 31/12/2020: quy định chi tiết về thi thành một số điều của Luật Chứng khoán.

4.2. Thực trạng thực hành ESG tại Việt Nam

Các nền kinh tế lớn ở châu Âu và châu Á đã và đang đưa ra các quy định chặt chẽ về ESG, thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao trách nhiệm môi trường - xã hội. Việc các doanh nghiệp Việt Nam tuân thủ ESG không chỉ tạo ra lợi thế cạnh tranh mà còn duy trì quan hệ đối tác và thu hút đầu tư.

Trong bối cảnh đó, PwC đã có báo cáo đầu tiên về mức độ sẵn sàng thực hành ESG tại Việt Nam năm 2022. Theo đó, kết quả khảo sát 234 đại diện doanh nghiệp Việt Nam cho thấy 80% doanh nghiệp đã cam kết hoặc có kế hoạch cam kết ESG trong 2 đến 4 năm tới, trong số đó hầu hết là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) (PwC, 2022). Ngoài ra, báo cáo cũng chỉ ra động thái “chờ và xem” của doanh nghiệp đang có kế hoạch cam kết ESG trong tương lai gần vì các điều kiện triển khai ESG là chưa đủ. Kết quả đáng ngạc nhiên hơn là 40% các doanh nghiệp gia đình có quy mô vừa và nhỏ đang dần thực hành ESG và đang trong giai đoạn lập kế hoạch. Điều này cho thấy thế hệ trẻ đang quan tâm đến việc đưa tính bền vững là một phần trong kế hoạch kinh doanh của gia đình.



Hình 3: Báo cáo mức độ sẵn sàng thực hành ESG tại Việt Nam

(Nguồn: PwC, 2022)

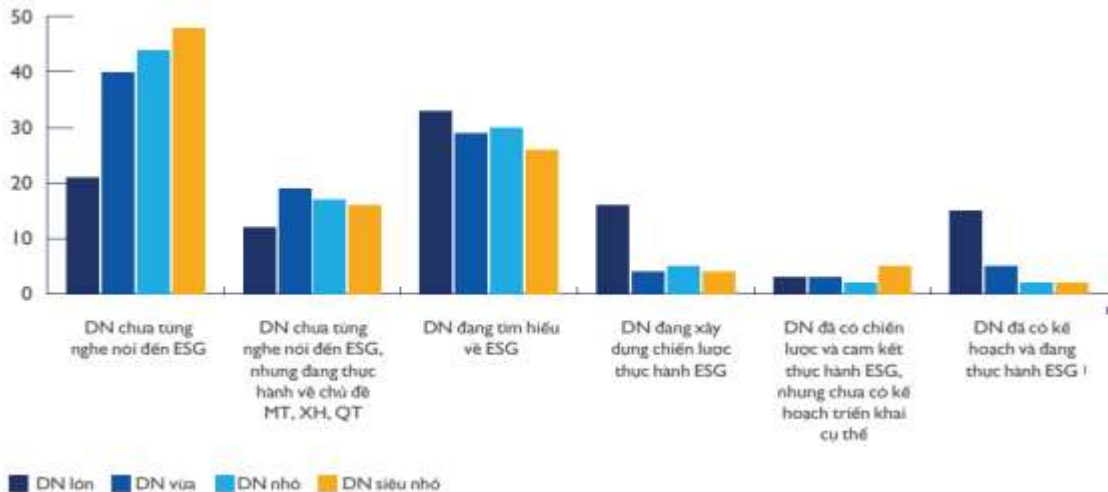
Năm 2024, báo cáo Đánh giá mức độ thực hành kinh doanh bền vững của doanh nghiệp Việt Nam theo khung ESG do Cục Phát triển Doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện, thông qua Dự án Tăng cường năng lực cạnh tranh khu vực tư nhân Việt Nam do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tài trợ, đã tiến hành khảo sát diện rộng 1.019 doanh nghiệp và khảo sát chuyên sâu 13 doanh nghiệp tiêu biểu trong một số khía cạnh cơ bản của thực hành ESG, có liên quan chặt chẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bộ câu hỏi khảo sát gồm 36 câu hỏi dành cho toàn

bộ 1.019 doanh nghiệp tham gia và 98 câu hỏi dành riêng cho 13 doanh nghiệp tham gia khảo sát chuyên sâu. Bộ câu hỏi được xây dựng dựa theo Công cụ đánh giá ESG do Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng trong khuôn khổ dự án USAID IPSC.

Khảo sát tập trung vào 4 mục tiêu chính: (1) Đánh giá nhận thức về ESG, (2) Phân tích thực trạng thực hành ESG, (3) Xác định rào cản doanh nghiệp gặp phải khi thực hành ESG; và (4) Tổng hợp các khuyến nghị từ doanh nghiệp nhằm cải thiện thực hành ESG. Kết quả sẽ giúp các doanh nghiệp xây dựng chiến lược kinh doanh bền vững, quản trị rủi ro và nắm bắt cơ hội từ ESG, đồng thời cung cấp thông tin quan trọng cho các nhà hoạch định chính sách và tổ chức hỗ trợ để phát triển các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thực hành ESG hiệu quả hơn.

Một số kết quả nổi bật của khảo sát:

Về mặt nhận thức, ESG vẫn là một khái niệm mới, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ. Trong 1.019 doanh nghiệp tham gia khảo sát, có đến 39% chưa từng nghe nói đến ESG và 62% hiện chưa nắm rõ các quy định và chính sách của Việt Nam liên quan đến ESG như Quyết định số 167/QĐ-TTg, Thông tư số 13/2023/TT-BKHĐT, Thông tư số 96/2020/TT-BTC, v.v. Các doanh nghiệp lớn vượt trội hơn hẳn trong việc tiếp cận thông tin, xây dựng các chiến lược và thực hiện các hoạt động liên quan đến ESG. Tuy nhiên, 26-30% doanh nghiệp ở quy mô vừa, nhỏ và siêu nhỏ cũng đang có những bước đi đầu tiên trong việc tìm hiểu và áp dụng các tiêu chí ESG (IPSC, 2024).



Hình 4: Thực trạng thực hành ESG của các doanh nghiệp theo quy mô (%)

(Nguồn: IPSC, 2024)

Về mặt thực hành chung, doanh nghiệp Việt Nam hiện đang thực hiện tốt nhất ở trụ cột Xã hội, tiếp theo là Quản trị, và cuối cùng là Môi trường, với mức thực hành lần lượt là 68%, 63% và 52%. Ở cả ba trụ cột, mức độ thực hành tỷ lệ thuận với quy mô doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp lớn với nguồn lực mạnh có khả năng tuân thủ và áp dụng các quy chuẩn ESG tốt nhất, còn các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ cần nhiều hỗ trợ để tiếp cận và nâng cao hiệu quả thực hành ESG (IPSC, 2024).

Như vậy, qua các báo cáo và khảo sát (PwC, 2022; IPSC, 2024), có thể thấy rằng việc thực hành ESG tại Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn khởi đầu và có sự phân hóa rõ rệt theo quy mô doanh nghiệp. Những rào cản chính mà doanh nghiệp Việt Nam gặp phải bao gồm: (1) thiếu thông tin và hiểu biết về ESG, (2) thiếu chương trình đào tạo và hướng dẫn cụ thể, và (3) thiếu khung chính sách đồng bộ từ phía nhà nước. Tuy nhiên, tín hiệu tích cực là sự gia tăng mối quan tâm từ thế hệ trẻ và các doanh nghiệp gia đình trong việc lồng ghép tính bền vững vào hoạt động kinh doanh.

5. Một số gợi ý cho Việt Nam

Hoàn thiện khung pháp lý và chính sách

Kinh nghiệm từ Hàn Quốc cho thấy việc ban hành các luật khung như Đạo luật khung về tăng trưởng xanh và trung hòa carbon (2021) đã giúp đảm bảo tính nhất quán trong triển khai ESG. Tại

Việt Nam, chính phủ cũng đã ban hành nhiều văn bản quan trọng liên quan đến ESG, bao gồm Luật Bảo vệ môi trường 2020 (quy định về tín dụng xanh và trái phiếu xanh), Quyết định 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, và gần đây là Quyết định 21/2025 ban hành Danh mục phân loại xanh. Tuy nhiên, mức độ triển khai vẫn còn phân mảnh và thiếu tính hệ thống để điều chỉnh toàn diện việc thực thi ESG. Bên cạnh đó, việc ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước đối với tín dụng xanh, trái phiếu xanh còn chưa được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật hiện hành ở Việt Nam, do đó còn nhiều hạn chế trong việc xác định trình tự, thủ tục, vai trò, trách nhiệm của các bên có liên quan. Vì vậy, cơ quan quản lý cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, ban hành tiêu chuẩn rõ ràng và thiết kế các cơ chế ưu đãi cụ thể cho dự án xanh, đồng thời tạo điều kiện để hệ thống ngân hàng và tổ chức tài chính triển khai ESG một cách thuận lợi hơn.

Xây dựng hệ thống đánh giá ESG thống nhất, minh bạch và phù hợp với chuẩn quốc tế

Mặc dù Việt Nam đã có nhiều hệ thống đánh giá ESG khác nhau như Chỉ số doanh nghiệp bền vững CSI; Bộ tiêu chuẩn ISO26000; Bộ chỉ số phát triển bền vững (VNSI)... nhưng hiện nay chưa có một khung chuẩn thống nhất cấp quốc gia. Các công cụ này tồn tại song song, mỗi nơi sử dụng một bộ tiêu chí khác nhau, dẫn đến tình trạng phân mảnh, thiếu đồng bộ. Hệ quả là doanh nghiệp gặp khó khăn khi lựa chọn bộ tiêu chí để áp dụng, các nhà đầu tư nước ngoài khó so sánh, đánh giá mức độ ESG giữa các doanh nghiệp Việt Nam và thiếu sự liên thông giữa báo cáo ESG và thị trường vốn, làm giảm hiệu quả trong việc huy động nguồn vốn xanh.

Việt Nam cần sớm xây dựng một bộ hướng dẫn ESG cấp quốc gia, tương tự như Hàn Quốc ban hành Bộ hướng dẫn K-ESG, áp dụng thống nhất cho doanh nghiệp, đồng thời gắn với cơ chế công bố thông tin và giám sát. Việc ban hành khung chuẩn quốc gia không chỉ giúp tạo sự minh bạch và đồng bộ trong đánh giá ESG, mà còn góp phần tăng khả năng tiếp cận vốn quốc tế, thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu vốn đang chịu áp lực mạnh về ESG.

Huy động nguồn lực tài chính và công nghệ

Để hiện thực hóa các mục tiêu ESG, Việt Nam không thể chỉ dựa vào ngân sách nhà nước. Việc phát triển thị trường tài chính xanh là chìa khóa, thông qua việc khuyến khích phát hành trái phiếu xanh, trái phiếu bền vững, đồng thời xây dựng cơ chế giám sát để ngăn chặn hành vi "tẩy xanh". Kinh nghiệm Hàn Quốc trong việc lập quỹ hỗn hợp công - tư trị giá hàng trăm tỷ won hỗ trợ khởi nghiệp xanh có thể là gợi ý hữu ích để Việt Nam huy động sự tham gia của khu vực tư nhân. Chính phủ và các tổ chức tài chính có thể hỗ trợ doanh nghiệp bằng tín dụng xanh, ưu đãi thuế và khuyến khích đầu tư công nghệ sạch. Về phía doanh nghiệp, cần chủ động tìm kiếm đối tác và nhà đầu tư có tiêu chuẩn ESG để tiếp cận nguồn vốn bền vững.

Đặc biệt, cần ưu tiên đầu tư vào công nghệ carbon thấp như năng lượng tái tạo, lưới điện thông minh và phương tiện giao thông không phát thải. Chính phủ đóng vai trò kiến tạo thông qua các gói tín dụng ưu đãi, hỗ trợ R&D, và thúc đẩy hợp tác quốc tế nhằm chuyển giao công nghệ tiên tiến.

Nâng cao nhận thức và coi ESG là một cơ hội lớn để tồn tại và phát triển

Rào cản lớn nhất đối với doanh nghiệp Việt Nam khi áp dụng ESG là thiếu nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của ESG. Do đó, doanh nghiệp cần chủ động cập nhật thông tin, tham gia các khóa đào tạo về ESG và học hỏi từ các mô hình thành công trên thế giới. Ngoài ra, lãnh đạo doanh nghiệp cần xem ESG không chỉ là một yêu cầu bắt buộc mà là cơ hội để nâng cao giá trị thương hiệu và thu hút nhà đầu tư.

6. Kết luận

ESG không chỉ là xu hướng toàn cầu mà đã trở thành đòn bẩy quan trọng giúp Việt Nam thực hiện cam kết quốc gia, nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút vốn đầu tư và phát triển bền vững. Ở Hàn Quốc, chính phủ đã ban hành nhiều quy định nghiêm ngặt và doanh nghiệp áp dụng ESG từ rất sớm bởi đây là yêu cầu bắt buộc để tồn tại và phát triển. Trong khi đó, việc thực hành ESG tại Việt Nam mới ở giai đoạn khởi đầu, cần có chính sách, định hướng và luật hóa quy định rõ ràng, hệ thống đánh giá ESG thống nhất cùng với hỗ trợ về tài chính và công nghệ. Đồng thời, bản thân doanh nghiệp cũng phải chuyển đổi tư duy, coi ESG là một phần tất yếu trong chiến lược dài hạn hướng tới phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Behalf Korea (2022). *ESG in South Korea: A legal and strategic perspective*. <https://behalfkr.com/esg-in-south-korea/>
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022). *Đóng góp do quốc gia tự quyết định cập nhật của Việt Nam (NDC cập nhật năm 2022)*. Hà Nội: Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Choi, J. (2025). *South Korea's ESG disclosure plans adjusted amid global trends*. Truy xuất tại <https://www.businesskorea.co.kr/news/articleView.html?idxno=240672> ngày 23/04/2025.
- Han, S.-B., Kwon, S.-H., & Lim, S.-G. (2021). *Global ESG trends and the strategic role of the state (ODA Policy Study 21-01)*. Korea Institute for International Economic Policy (KIEP).
- International Energy Agency (2020). *Energy policies of IEA countries: Korea 2020 review*. OECD/IEA. Truy xuất tại <https://www.iea.org/reports/korea-2020>
- IPSC (2024). *Baseline assessment report on ESG adoption among businesses in Vietnam*. Institute for Policy Studies and Media Development.
- Kim, J. (2023). *K-ESG Disclosures in South Korea: Overview and Future Outlook*. Regulation Environment. Glass Lewis. Truy xuất tại <https://www.glasslewis.com/k-esg-disclosures-in-south-korea-overview-and-future-outlook/>, ngày 23/10/2023.
- Korea. National Assembly (2021). *Framework Act on Carbon Neutrality and Green Growth to cope with the climate crisis (Act No. 18469)*. Truy xuất tại <https://faolex.fao.org/docs/pdf/kor210354En.pdf>, ngày 24/9/2024.
- Krueger, P., Sautner, Z., Tang, D. Y., & Zhong, R. (2021). The effects of mandatory ESG disclosure around the world. *SSRN Electronic Journal*, 62, 1795–1847.
- Lee, J.-H., & Woo, J. (2020). Green New Deal Policy of South Korea: Policy Innovation for a Sustainability Transition. *Sustainability*, 12(23), 10191. <https://doi.org/10.3390/su122310191>
- Ministry of Environment, Republic of Korea (2021a). *K-Taxonomy guidelines*. Government of the Republic of Korea.
- Ministry of Environment, Republic of Korea (2021b). *K-ESG guidelines: Basic directions and evaluation items*. Government of the Republic of Korea.
- Ministry of Environment (2022). *The Ministry of Environment successfully conducted a pilot project for K-Taxonomy* [Press release]. Green Transition Policy Division.
- OECD Observatory of Public Sector Innovation. (2023). *Carbon-Free Island JEJU by 2030*. Truy xuất tại <https://oecd-opsi.org/innovations/carbon-free-island-jeju-by-2030/>, ngày 24/01/2023.
- Plastun, A., Makarenko, I., Kravchenko, O., Ovcharova, N., & Oleksich, Z. (2019). ESG disclosure regulation: In search of a relationship with the countries' competitiveness. *Problems and Perspectives in Management*, 17(3), 76–88.
- PwC (2022). *Báo cáo về mức độ sẵn sàng thực hành ESG tại Việt Nam năm 2022*. PwC Vietnam.
- Republic of Korea (2021). *Enhanced Nationally Determined Contribution (NDC)*. UNFCCC.
- UN Global Compact (2004). *Who cares wins: Connecting financial markets to a changing world*. <https://www.unglobalcompact.org/library/145>.
- United Nations. (2006). *Principles for responsible investment (PRI)*. <https://www.unpri.org>.